Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9017.30.00

Mã HS	9017.30.00
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ vẽ, vạch mức dấu hoặc dụng cụ tính toán toán học (ví dụ, máy vẽ phác, máy vẽ truyền, thước đo góc, bộ đồ vẽ, thước logarit, bàn tính dùng đĩa); dụng cụ đo chiều dài, dùng tay (ví dụ, thước thanh và thước dây, thước micromet, thước cặp), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này / - Thước micromet, thước cặp và dụng cụ đo có thể điều chỉnh được
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	05/11/2026 18:12:16
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90173000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18065
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18065
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18065
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17378
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17307
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17307
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17307
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17307
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17307
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17307
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17363
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17363
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17363
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17363

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17363
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17363
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17364
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17364
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17364
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17364
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17364
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17364
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17369
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17325
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17321
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17321
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17321
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17321
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17321
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17321
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17367
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17367
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17367
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17367
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17367
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17367
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17429
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17429
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17429
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17429

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17429
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17429
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17405
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17405
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17405
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17405
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17405
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17405
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17400
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17400
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17400
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17400
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17400
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17400
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17430
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17430
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17430
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17430
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17430
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17430
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17429
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17429
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17429
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17429
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17429
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17429

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17523
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17523
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17523
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17523
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17523
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17523
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17523
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17392
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17392
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17392
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17392
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17392
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17392
RCEP B	2022	2022	0	B!D17392
RCEP B	2023	2023	0	B!E17392
RCEP B	2024	2024	0	B!F17392
RCEP B	2025	2025	0	B!G17392
RCEP B	2026	2026	0	B!H17392
RCEP B	2027	2027	0	B!I17392
RCEP C	2022	2022	0	C!D17390
RCEP C	2023	2023	0	C!E17390
RCEP C	2024	2024	0	C!F17390
RCEP C	2025	2025	0	C!G17390
RCEP C	2026	2026	0	C!H17390
RCEP C	2027	2027	0	C!I17390
RCEP D	2022	2022	0	D!D17389

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17389
RCEP D	2024	2024	0	D!F17389
RCEP D	2025	2025	0	D!G17389
RCEP D	2026	2026	0	D!H17389
RCEP D	2027	2027	0	D!I17389
RCEP E	2022	2022	0	E!D17393
RCEP E	2023	2023	0	E!E17393
RCEP E	2024	2024	0	E!F17393
RCEP E	2025	2025	0	E!G17393
RCEP E	2026	2026	0	E!H17393
RCEP E	2027	2027	0	E!I17393
RCEP F	2022	2022	0	F!D17392
RCEP F	2023	2023	0	F!E17392
RCEP F	2024	2024	0	F!F17392
RCEP F	2025	2025	0	F!G17392
RCEP F	2026	2026	0	F!H17392
RCEP F	2027	2027	0	F!I17392
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16307
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16307
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16307
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16307

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9017.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9017.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18065), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.